

Bản án số: 88/2022/HS-ST
Ngày 23/9/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Hồng Tuyên và bà Đỗ Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 82/2022/TLST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2022, đối với:

Bị cáo **Phạm Xuân T**, sinh ngày 05/01/1973 tại huyện T1, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn K, xã P, huyện T1, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Phạm Văn Đ (đã chết) và bà Phan Thị Th (sinh năm 1939); Có vợ là Phạm Thị N (sinh năm 1974 – đã ly hôn); Bị cáo có 01 con, sinh năm 1998. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tháng 9/1991 tham gia nghĩa vụ quân sự tại đơn vị E165, F312, quân đoàn 1 huyện S, thành phố H đến tháng 8/1993 xuất ngũ trở về địa phương; Từ tháng 11/2001 đến tháng 01/2002 và từ tháng 4/2004 đến tháng 4/2006 chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục X, H1 theo các quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 26/11/2001 và số 837/QDD-UBND ngày 06/4/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình; Từ tháng 10/2007 đến tháng 9/2009 chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục S1, huyện B, tỉnh H2 theo quyết định 2438/QĐ-UBND ngày 10/10/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình. Từ tháng 12/2010 đến tháng 11/2012 chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục T2, B1, tỉnh V theo quyết định 1793/QĐ-UBND ngày 21/9/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình; Bản án số 70/HSST ngày 22/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” đến ngày 19/6/2019 đã chấp hành xong hình phạt tù và đã nộp tạm ứng án phí ngày 26/11/2018 (Tất cả các bản án, quyết định đều đã chấp hành xong); Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 30/6/2022 đến ngày 02/7/2022 chuyển tạm giam đến nay. Hiện

đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình (*Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa*).

Người chứng kiến:

+ Ông Hoàng Minh Đ, sinh năm 1965 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn P1, xã P, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

+ Bà Vũ Thị Nh, sinh năm 1965 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn P1, xã P, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghiện ma túy nên khoảng 12 giờ ngày 30/6/2022, Phạm Xuân T thuê xe ôm của người biết tên, tuổi, địa chỉ đi từ xã P, huyện T1 đến khu vực xã D, huyện T rồi xuống xe đi bộ, T gặp và mua của người đàn ông khoảng 35 tuổi, không biết tên, địa chỉ 02 gói ma túy loại Heroine với giá 900.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T cất ma túy vừa mua vào túi quần bên phải phía sau đang mặc rồi tiếp tục quay lại chỗ người xe ôm đi về nhà. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, T đang đi bộ trên đường thôn P1, xã P thì bị tổ công tác Công an xã P tuần tra phát hiện. Tại đây, trước sự chứng kiến của chính quyền địa phương, ông Hoàng Minh Đ và bà Vũ Thị Nh, Công an xã P tiến hành kiểm tra người T và thu giữ trong túi quần bên phải phía sau đang mặc 02 gói đều được gói bằng giấy màu trắng, mở ra bên trong đều chứa chất bột màu trắng dạng cục, T khai nhận đó là ma túy, loại Heroine vừa mua về để sử dụng cho bản thân. Công an xã P đã tiến hành niêm phong vật chứng mẫu số A1, đưa T và mời người chứng kiến về trụ sở Công an xã P lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và làm các thủ tục khác theo quy định của pháp luật. Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T1 tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Xuân T nhưng không phát hiện thu giữ gì thêm.

Tại bản kết luận giám định số 276/KL-KTHS(MT) ngày 01/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: “*Vật chứng trong mẫu niêm phong mẫu số A1 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,4492 gam*”. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về Kết luận giám định nêu trên.

Bản cáo trạng số 86/CT-VKSTT ngày 29/8/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 đã truy tố bị cáo Phạm Xuân T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trong bản Cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Phạm Xuân T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, xử phạt bị

cáo mức án từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù, phạt bổ sung từ 5.000.000 đến 7.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước. Ngoài ra, còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận gì đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Công an xã P, Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Phạm Xuân T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Công an xã P lập ngày 30/6/2022; Biên bản ghi lời khai của những người chứng kiến là ông Hoàng Minh Đ và bà Vũ Thị Nh; Bản kết luận giám định số 276/KL-KTHS(MT) của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với các chứng cứ nêu trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 30/6/2022, tại khu vực đường thuộc thôn P1, xã P, huyện T, tỉnh Thái Bình, Phạm Xuân T đã có hành vi tàng trữ trái phép 02 gói ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0,4492 gam, mục đích sử dụng cho bản thân, bị Công an xã P bắt quả tang. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Phạm Xuân T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Xuân T là nghiêm trọng, gây nguy hại lớn cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy mà còn xâm phạm đến an ninh, trật tự công cộng và an toàn xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng phải chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục nhiều lần, đã từng bị xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nhưng không lấy đó làm bài học để cải tạo bản thân mà còn tiếp tục phạm tội. Do đó, cần phải xử phạt thật nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, có như vậy mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo nói riêng cũng như răn đe, đấu tranh và phòng ngừa tội phạm nói chung. Cần áp dụng hình phạt bổ sung, phạt bị cáo 5.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng: 0,3862gam Heroine hoàn trả sau giám định và toàn bộ bao gói trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 276/KL-KTHS(MT) của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình là vật cấm tàng trữ, lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về nguồn gốc số ma túy: T khai là mua của một người nam giới khoảng 35 tuổi, không biết tên, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có căn cứ điều tra, xử lý.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án và có quyền kháng cáo theo Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Xuân T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Xuân T 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù giam, thời hạn

chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 30/6/2022, phạt bổ sung 5.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu huỷ 0,3862 gam Heroine thu giữ của bị cáo Phạm Xuân T hoàn trả sau giám định và toàn bộ bao gói trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 276/KL-KTHS(MT)

(Vật chứng trên đã chuyển Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T1, tỉnh Thái Bình theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 30/8/2022).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Phạm Xuân T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Xuân T có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 23/9/2022.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện T1;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện T1;
- Công an huyện T1;
- Công an tỉnh Thái Bình (PC10);
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Xuân Quỳnh